

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 104/2019/TLST- DS ngày 31/12/2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Kh, phường Lý Thái T, quận H. K, thành phố H.N.

Người được uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh T. – Phó trưởng PGD Đ. H – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh K. T. (Giấy uỷ quyền số 27/19/VCB-KTU-UQ ngày 12/12/2019).

- *Bị đơn*: Ông A G, sinh năm 1965 và bà Y T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông A G và bà Y T đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tổng số tiền là 261.370.067 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, không trăm sáu mươi bảy đồng*). Thời hạn trả, trả một lần vào ngày 30/04/2020.

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung 2017

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định ông A G và bà Y T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông A G và bà Y T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Ông A G và bà Y T không trả được số tiền trên theo thời hạn trả nợ đã cam kết cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp số: 09/11/NHNT ngày 09/11/2015 gồm: Quyền sử dụng đất Lô đất Tờ bản đồ số 43, Thửa đất số 06 tại Thôn 8 – xã Ng. W – huyện Đ. H – tỉnh K. T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 539330 do UBND huyện Đ. H – tỉnh K. T cấp ngày 23/11/2001 cho ông A G và bà Y T); Quyền sử dụng đất Lô đất Tờ bản đồ số 26, Thửa đất số 113 tại Thôn 8 – xã Ng. W – huyện Đ. H – tỉnh K. T (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 353560 do UBND huyện Đ. H – tỉnh K. T cấp ngày 10/10/2014 cho ông A G và bà Y T).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông A G và bà Y T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông A G và bà Y T phải chịu 6.534.251 đồng (*Sáu triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm năm một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền 6.452.842 đồng (*Sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm bốn mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000702 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNDhuyện Đ.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn N